

ĐỐI NGOẠI NHÂN DÂN TRONG BỐI CẢNH MỚI: NHÌN TỪ SỰ TÁC ĐỘNG CỦA NHÂN TỐ CHÍNH TRỊ TRÊN THẾ GIỚI

PGS, TS LÊ VĂN TOAN

Đại học Phương Đông

Ngày nhận bài: 9/2/2026; Ngày phản biện: 25/2/2026; Ngày duyệt đăng: 14/4/2026.

● **Tóm tắt:** Đối ngoại nhân dân là một trong ba trụ cột của ngoại giao Việt Nam. Trong suốt tiến trình đấu tranh chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, đối ngoại nhân dân đã đóng góp một phần quan trọng cho sự thành công của đất nước. Hiện nay, hoạt động đối ngoại nhân dân chịu tác động của nhiều nhân tố như kinh tế, xã hội, pháp luật, lịch sử, văn hóa..., trong đó có nhân tố chính trị. Bài viết minh giải thuật ngữ “đối ngoại nhân dân” và phân tích tác động của nhân tố chính trị trên thế giới đối với hoạt động đối ngoại nhân dân của Việt Nam trong bối cảnh mới.

● **Từ khóa:** Đối ngoại; Ngoại giao; Đối ngoại nhân dân; Ngoại giao nhân dân.



1. Về thuật ngữ đối ngoại nhân dân

Trong bài viết này, thuật ngữ “đối ngoại nhân dân” được sử dụng theo diễn ngôn trong nền ngoại giao Việt Nam. Trên thế giới, tùy theo bối cảnh và điều kiện lịch sử cụ thể, thuật ngữ này được gọi bằng nhiều tên khác nhau.

Ở Trung Quốc, thuật ngữ “đối ngoại nhân dân” xuất hiện với các cách gọi như: *Ngoại giao dân gian, ngoại giao công chúng, ngoại giao nhân dân, ngoại giao công dân...* Nội hàm của các cách gọi này khá tương đồng, đều chỉ sự tiếp xúc, trao đổi giữa nhân dân với nhân dân nhằm thực hiện những mục tiêu ngoại giao rõ ràng. Các tài liệu nghiên cứu gần đây như cuốn sách *Đảng Cộng sản Trung Quốc: Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về ngoại giao nhân dân* của Vương Ngọc Quý (2012) hay bài nghiên cứu *Tư tưởng ngoại giao của Tập Cận Bình dẫn dắt thúc đẩy nghiên cứu lý luận và thực tiễn ngoại giao dân*

gian phát triển trong thời đại mới của Vệ Linh Huy (2025) đăng trên Nhân dân nhật báo ngày 9/7/2025, và nhiều công trình nghiên cứu khác đều sử dụng thuật ngữ “ngoại giao dân gian”.

Ở Nga, từ những năm 90 của thế kỷ XX, thuật ngữ này thường được gọi là *ngoại giao công chúng, ngoại giao xã hội* hay *ngoại giao nhân dân*. Các cách gọi này đều được diễn giải từ thuật ngữ “public diplomacy”, với nội hàm cơ bản tương đồng. Ngày nay, Nga sử dụng phổ biến cách gọi *ngoại giao nhân dân* để chỉ mối liên hệ giữa người dân và các tổ chức xã hội trong việc thúc đẩy hợp tác quốc tế.

Ở Mỹ, trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, các khái niệm liên quan đến đối ngoại nhân dân (còn gọi là *people diplomacy* hoặc *people-to-people diplomacy*) thường được hiểu tương đồng với ngoại giao công chúng (public diplomacy). Nội hàm của những thuật ngữ này đều chỉ những nỗ

lực của một quốc gia nhằm thực hiện mục tiêu chính sách đối ngoại bằng cách trực tiếp tiếp cận công chúng thay vì thông qua các hoạt động ngoại giao truyền thống giữa các chính phủ. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Mỹ đã điều chỉnh chiến lược đối ngoại nhân dân theo hướng phù hợp với bối cảnh thế giới đa cực, tăng cường truyền thông và giao lưu văn hóa nhằm xây dựng hình ảnh quốc gia.

Tại Mỹ Latinh, khái niệm *đối ngoại nhân dân* xuất hiện vào đầu thế kỷ XXI như một phần của tiến trình chính trị - xã hội hướng tới sự chuyển đổi của nhà nước. Nội hàm của khái niệm này nhấn mạnh một hình thức quan hệ mới giữa các quốc gia trên thế giới, không phụ thuộc vào những thủ tục, nghi thức của ngoại giao chính thức, đồng thời đóng góp những sáng kiến cụ thể nhằm giải quyết những vấn đề tác động đến người dân và các quốc gia trên thế giới.

Ở Nhật Bản, khái niệm *đối ngoại nhân dân* thường được gọi là ngoại giao công chúng (*public diplomacy*) hay ngoại giao văn hóa (*cultural diplomacy*). Đây là hình thức đối ngoại nhằm xây dựng hình ảnh quốc gia và tăng cường sự hiểu biết thông qua văn hóa, giáo dục và giao lưu nhân dân. Trong thực tiễn, cách gọi được sử dụng phổ biến nhất là *ngoại giao văn hóa*.

Ở Việt Nam, *đối ngoại nhân dân* được khẳng định rõ trong các văn kiện của Đảng. Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ yêu cầu: “Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, 162); đồng thời, nhấn mạnh việc triển khai đồng bộ, nhịp nhàng giữa các kênh đối ngoại. Đường lối, chủ trương của Đảng về đối ngoại xác định rõ sự phân công, phối hợp, trong đó chú trọng xây dựng cơ chế phối hợp thống nhất, “chặt chẽ giữa đối ngoại nhân dân với đối ngoại đảng và ngoại giao nhà nước, tạo thành sức mạnh tổng hợp của mặt trận đối ngoại, đáp ứng yêu cầu

nhệm vụ trong tình hình mới” (Ban Chấp hành Trung ương, 2019).

Đối ngoại nhân dân là hoạt động đối ngoại có sự tham gia rộng rãi của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị ở các cấp không nhân danh Đảng, Nhà nước và Chính phủ; của các nhân sĩ, trí thức, các nhà khoa học, các văn nghệ sĩ, nhà báo, đồng bào các tôn giáo, các dân tộc, các doanh nhân thuộc các thành phần kinh tế; của các tổ chức từ thiện, nhân đạo, bảo vệ môi trường; của Nhân dân trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài (Phùng Hữu Phú & cộng sự, 2016, 121-122). Đối ngoại nhân dân là bộ phận cấu thành của công tác đối ngoại chung của Đảng và Nhà nước ta (Bộ Chính trị, 2011), và là một trong ba trụ cột của nền ngoại giao Việt Nam.

Mục tiêu cốt lõi của đối ngoại nhân dân là xây dựng và củng cố tình đoàn kết, hữu nghị giữa Nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới, phát huy sức mạnh mềm, “Làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ đất nước, truyền thống và con người Việt Nam, chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, những thành tựu của công cuộc đổi mới của ta [...] giữ vững môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước” (Bộ Chính trị, 2011); tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ, huy động nguồn lực quốc tế cho công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Phương thức triển khai đối ngoại nhân dân bao gồm các hình thức hợp tác truyền thông và phi truyền thông trên nhiều lĩnh vực như: Chính trị - xã hội; kinh tế - thương mại; văn hóa - giáo dục; khoa học - công nghệ; môi trường, phát triển bền vững; cứu trợ nhân đạo; và hợp tác giữa người dân với người dân...

Đối ngoại nhân dân có vai trò chiến lược quan trọng trong việc tăng cường sức mạnh

mềm quốc gia, góp phần tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Hoạt động này hỗ trợ cho đối ngoại đảng và ngoại giao nhà nước, có khả năng tác động đến chính sách của chính phủ các nước, qua đó thúc đẩy quan hệ đối ngoại ở tầm cao hơn; đồng thời, phát huy nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và bạn bè quốc tế, mở rộng mạng lưới đối tác nhân dân, đóng góp vào hợp tác đa phương toàn cầu, và tham gia đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch.

2. Nhân tố chính trị trên thế giới tác động đến hoạt động đối ngoại nhân dân của Việt Nam

Nhân tố chính trị là tổng thể các yếu tố liên quan đến đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước; môi trường chính trị - an ninh; hệ thống pháp luật; và sự tham gia của hệ thống chính trị nhằm định hướng, dẫn dắt hoạt động đối ngoại nhân dân theo đúng mục tiêu đối ngoại của Việt Nam. Đây là nhóm yếu tố có ảnh hưởng sâu rộng, giữ vai trò quyết định định hướng mục tiêu, không gian và phương thức triển khai hoạt động đối ngoại nhân dân. Các nhân tố chính trị trên thế giới tác động chủ yếu đến hoạt động đối ngoại nhân dân của Việt Nam gồm: Môi trường chính trị - an ninh quốc tế và khu vực; chính sách của các nước đối tác; tác động của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ (NGO)...

Môi trường chính trị - an ninh quốc tế và khu vực

“Cục diện thế giới đang chuyển biến nhanh, phức tạp chưa từng có theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng, phân mảnh và phân tuyến mạnh. Hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn, song đứng trước nhiều thách thức mới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, 77). Hiện nay, thế giới đang bước vào giai đoạn chuyển biến sâu rộng về cấu trúc quyền lực với sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Quan hệ quốc tế chuyển từ đa phương hóa sang xu hướng vừa hợp tác vừa đấu tranh khiến các cơ chế an ninh -

kinh tế toàn cầu bị phân mảnh. Nổi bật là *cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn*, đặc biệt là giữa các trung tâm quyền lực Mỹ - Trung Quốc, Mỹ - Nga và giữa các liên minh lớn, tạo ra những biến động sâu sắc trong môi trường chính trị - an ninh quốc tế và tác động trực tiếp đến hoạt động đối ngoại nhân dân của Việt Nam.

Trong đó, cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc chuyển trọng tâm từ lĩnh vực quân sự - an ninh sang kinh tế, thương mại, công nghệ cao và chuỗi cung ứng. Mỹ và Liên minh châu Âu (EU) thúc đẩy chiến lược giảm phụ thuộc kinh tế vào Trung Quốc (De-risking - là quá trình giảm bớt sự phụ thuộc vào một quốc gia, một thị trường, một đối tác, hoặc một chuỗi cung ứng), đa dạng hóa chuỗi cung ứng và mở rộng liên minh. Trung Quốc thúc đẩy Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) nhằm mở rộng ảnh hưởng, thiết lập các mạng lưới kết nối kinh tế - hạ tầng với các nước đang phát triển. Thực trạng này đang tái cấu trúc quan hệ quốc tế, tạo ra sự phân cực mới, vừa đặt ra thách thức, vừa mở ra cơ hội chiến lược cho hoạt động đối ngoại, trong đó có đối ngoại nhân dân của Việt Nam.

Về cơ hội: 1) *Mở rộng không gian hợp tác đa phương, đa dạng*. Chiến lược “De-risking” thúc đẩy các nước tìm kiếm đối tác mới nhằm giảm phụ thuộc vào Trung Quốc, qua đó tạo cơ hội kết nối các tổ chức, doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu với nhiều đối tác mới, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục, y tế, văn hóa... Sáng kiến BRI của Trung Quốc cũng tạo điều kiện để tăng cường hợp tác kết nối hạ tầng và giao lưu nhân dân trong lĩnh vực du lịch, văn hóa, giáo dục, hợp tác học thuật, góp phần đa dạng hóa đối tác và mở rộng không gian văn hóa; 2) *Thúc đẩy hợp tác khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và khởi nghiệp*. Việc Mỹ và EU tăng cường đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo cho các nước đang phát triển là đề giảm

ảnh hưởng của Trung Quốc. Đối ngoại nhân dân có thể đóng vai trò là kênh kết nối dự án, học bổng và mạng lưới tri thức, tạo nền tảng cho hợp tác trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục - đào tạo; 3) *Tăng cường vai trò của chủ thể phi nhà nước*. Cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc thúc đẩy ngoại giao đa tầng với sự tham gia của nhà nước, doanh nghiệp, trường đại học, NGO và cộng đồng, từ đó mở rộng dư địa để đối ngoại nhân dân chủ động và sáng tạo hơn.

Về thách thức: 1) *Nguy cơ bị cuốn vào cạnh tranh địa chính trị*: Các chương trình hợp tác trong lĩnh vực công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI), kinh tế - thương mại có thể hàm chứa động cơ chiến lược, khiến hoạt động đối ngoại nhân dân dễ bị nhìn nhận là nghiêng về một bên, từ đó ảnh hưởng đến hình ảnh và tính độc lập của quốc gia; 2) *Nguy cơ phân mảnh*: Chiến lược “De-risking” có thể làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tiêu chuẩn công nghệ, từ đó hình thành các hệ sinh thái công nghệ cạnh tranh nhau khiến cho đối ngoại nhân dân gặp khó khăn trong duy trì hợp tác rộng và bị hạn chế trong kết nối đa phương; 3) *Áp lực về năng lực công nghệ và chuẩn quốc tế*: Hợp tác trong các lĩnh vực như AI, an ninh mạng, công nghệ cao đòi hỏi trình độ chuyên môn cao, điều này gây áp lực đối với các chủ thể tham gia đối ngoại nhân dân; 4) *Sức ép từ các cường quốc*: Mỹ gia tăng ảnh hưởng thông qua văn hóa, giáo dục, truyền thông; Trung Quốc gia tăng sức mạnh mềm thông qua Sáng kiến BRI, Viện Khổng Tử và truyền thông quốc tế. Bối cảnh đó đòi hỏi đối ngoại nhân dân phải xử lý hài hòa sự cạnh tranh về ảnh hưởng mềm giữa các chủ thể quốc tế, đồng thời giữ vững bản sắc và lợi ích quốc gia.

Bên cạnh đó, hệ quả của cuộc khủng hoảng Ukraine đã làm gia tăng đối đầu giữa Nga và phương Tây, mở rộng từ lĩnh vực an ninh, quân sự sang kinh tế, năng lượng, công nghệ, văn hóa và truyền thông. Nga đẩy mạnh tái định hướng chính sách đối ngoại, mở rộng quan hệ với các

nước không thuộc phương Tây, đặc biệt là tại châu Á, Trung Đông và Nam Á. Trong khi đó, phương Tây củng cố các liên minh chính trị, an ninh, kinh tế; thúc đẩy chiến lược cô lập Nga và giảm phụ thuộc vào năng lượng từ Nga. Diễn biến này làm gia tăng sự phân cực trong quan hệ quốc tế, tạo môi trường cạnh tranh ảnh hưởng mới và tác động trực tiếp đến ngoại giao đa tầng, trong đó có đối ngoại nhân dân. Sự đối đầu giữa Nga và phương Tây không chỉ làm thay đổi cục diện quan hệ quốc tế mà còn tác động đến hoạt động đối ngoại nhân dân trên một số khía cạnh cơ bản sau:

Thứ nhất, đối ngoại nhân dân ngày càng trở thành một công cụ trong cạnh tranh ảnh hưởng. Nga đẩy mạnh ngoại giao văn hóa, truyền thông, giáo dục nhằm duy trì hình ảnh và phản biện các diễn ngôn từ phương Tây. Trong khi đó, phương Tây thúc đẩy ngoại giao văn hóa và tăng cường hỗ trợ các NGO quốc tế. Do vậy, đối ngoại nhân dân không còn thuần túy là hoạt động giao lưu văn hóa mà trở thành một yếu tố trong cạnh tranh sức mạnh mềm.

Thứ hai, môi trường hợp tác quốc tế phân hóa sâu sắc. Một số tổ chức, trường đại học, NGO bị gián đoạn hợp tác với Nga do tác động của các biện pháp trừng phạt, cắt giảm viện trợ và hạn chế tài chính. Hoạt động giao lưu nhân dân, văn hóa, giáo dục với Nga vì thế bị thu hẹp và khó tiếp cận hơn, làm gia tăng rủi ro, giảm tính bao trùm, giảm mức độ đa phương và gia tăng xu hướng phân mảnh trong đối ngoại nhân dân.

Thứ ba, gia tăng định kiến và “chiến tranh thông tin”. Truyền thông quốc tế phân cực, tạo ra các dòng thông tin cạnh tranh; các hoạt động văn hóa, truyền thông quốc tế dễ bị “chính trị hóa”... đặt đối ngoại nhân dân trước yêu cầu phải duy trì tính trung lập, khách quan và sự tin cậy.

Thứ tư, xuất hiện cơ hội tái cấu trúc mạng lưới hợp tác. Nga đẩy mạnh hợp tác với châu Á, Nhóm các nền kinh tế đang phát triển hàng đầu

thế giới (BRICS), Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), mở ra không gian mới cho hợp tác văn hóa, giáo dục, năng lượng và khoa học. Các nước đang phát triển có thể tận dụng khoảng trống này để mở rộng quan hệ với cả hai bên, qua đó tạo điều kiện để đối ngoại nhân dân xây dựng mạng lưới hợp tác đa dạng, linh hoạt, phi phương Tây.

Chính sách của các nước đối tác

Chính sách của các nước đối tác (chính sách viện trợ, phát triển, giáo dục, văn hóa của các nước phát triển; chính sách thị thực, quản lý các NGO của nước sở tại; quan điểm chính trị liên quan đến vấn đề Biển Đông, nhân quyền, dân chủ...) là nhân tố chính trị quan trọng tác động trực tiếp đến phạm vi và phương thức triển khai hoạt động đối ngoại nhân dân.

Khi các nước đối tác có chính sách mở cửa, coi trọng hợp tác nhân dân - nhân dân, hỗ trợ phát triển, thúc đẩy giao lưu văn hóa, giáo dục, hoạt động đối ngoại nhân dân có điều kiện thuận lợi để tăng cường trao đổi đoàn, huy động nguồn lực, mở rộng mạng lưới bạn bè quốc tế. Ngược lại, nếu một số quốc gia áp dụng chính sách đối ngoại cứng rắn, mang tính cạnh tranh chiến lược hoặc can thiệp dưới danh nghĩa “dân chủ - nhân quyền”, hạn chế giao lưu phi chính phủ, thì hoạt động đối ngoại nhân dân có thể gặp khó khăn, thậm chí chịu tác động từ các yêu cầu, sức ép hoặc tiêu chuẩn kép.

Chính sách của các nước đối tác có ảnh hưởng trực tiếp và đa chiều đến khả năng mở rộng quan hệ, triển khai chương trình giao lưu, cũng như thu hút nguồn lực cho các tổ chức nhân dân của Việt Nam. Cụ thể:

Chính sách thúc đẩy giao lưu thanh niên và học thuật của Mỹ, thông qua các chương trình như Fulbright hay Sáng kiến Thủ lĩnh trẻ Đông Nam Á (YSEALI), mở ra nhiều cơ hội để sinh viên, trí thức và thanh niên Việt Nam tham gia mạng lưới hợp tác quốc tế.

Chính sách của Trung Quốc, như BRI, thúc

đẩy giao lưu học thuật, văn hóa, triển lãm nghệ thuật... , tạo cơ hội để các tổ chức nhân dân của Việt Nam tham gia đối thoại và trao đổi chuyên môn. Tuy nhiên, Luật Quản lý tổ chức phi chính phủ nước ngoài (năm 2017) của Trung Quốc quy định mọi hoạt động hợp tác phi chính phủ phải thông qua cơ quan công an và các tổ chức được cấp phép, điều này làm giảm tính linh hoạt trong hợp tác nhân dân Việt Nam - Trung Quốc (Trịnh Thị Mai Phương & cộng sự, 2025).

Chính sách “Ngoại giao con người - con người” (people to people diplomacy) của Nhật Bản đã thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động giao lưu văn hóa, trao đổi thanh niên và kết nối cộng đồng giữa hai nước. Các chương trình như giao lưu Việt Nam - Nhật Bản, học bổng Phát triển Nguồn nhân lực Việt Nam - Nhật Bản (JDS), hay dự án cộng đồng do Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) triển khai góp phần hỗ trợ các tổ chức nhân dân ở Việt Nam trong các lĩnh vực giáo dục, y tế và phát triển nông thôn. Bên cạnh đó, chính sách tiếp nhận lao động “kỹ năng đặc định” (Tokutei Ginou) của Nhật Bản tạo điều kiện để Hội người Việt Nam tại Nhật Bản mở rộng hoạt động hỗ trợ pháp lý, văn hóa và bảo vệ quyền lợi người lao động, qua đó hình thành cầu nối nhân dân trong quan hệ song phương.

Chính sách Hallyu của Hàn Quốc cùng các chương trình hợp tác phát triển do Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) triển khai đã tạo sức lan tỏa mạnh mẽ trong hợp tác văn hóa và phát triển giữa Việt Nam và Hàn Quốc. Việc Hàn Quốc chủ động xuất khẩu văn hóa (âm nhạc, điện ảnh, ẩm thực) làm gia tăng nhu cầu giao lưu nhân dân, qua đó thúc đẩy các sự kiện nghệ thuật, lễ hội và chương trình hợp tác thanh niên Việt Nam - Hàn Quốc. Đồng thời, KOICA ưu tiên hỗ trợ Việt Nam trong các lĩnh vực như y tế, bình đẳng giới và phát triển cộng đồng, giúp các tổ chức nhân dân ở Việt Nam có thêm nguồn lực để triển khai các dự án hướng

tới mục tiêu phát triển bền vững.

EU đã ban hành nhiều chính sách tác động trực tiếp đến hiệu quả hợp tác nhân dân. Các chương trình tài trợ phát triển của EU đặt ra yêu cầu cao về hệ thống giám sát, đánh giá và minh bạch tài chính, buộc các NGO Việt Nam phải chuẩn hóa kỹ năng quản trị dự án. Song song với đó, Chương trình học bổng Erasmus+ hay Chương trình Horizon Europe thúc đẩy hợp tác mạnh mẽ trong lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, qua đó hình thành và mở rộng mạng lưới kết nối học giả, sinh viên Việt Nam với các đối tác tại các quốc gia thành viên EU.

Chính sách của Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và các cơ chế hợp tác nội khối cũng tác động đáng kể đến hoạt động đối ngoại nhân dân của Việt Nam. Định hướng hội nhập văn hóa - xã hội trong khuôn khổ Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC) tạo nền tảng cho việc triển khai các chương trình giao lưu thanh niên, liên hoan văn hóa, hợp tác thể thao và các hoạt động thúc đẩy hòa bình, tăng cường hiểu biết giữa người dân trong khu vực. Bên cạnh đó, các sáng kiến tiểu vùng như Hợp tác Campuchia - Lào - Myanmar - Việt Nam (CLMV), Chiến lược hợp tác kinh tế Ayeyawady - Chao Phraya - Mê Kông (ACMECS), hay Chương trình Hợp tác kinh tế tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS) cũng mở ra cơ hội hợp tác giữa các tổ chức nhân dân của Việt Nam với các nước láng giềng trong lĩnh vực môi trường, y tế cộng đồng, quản lý tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chính sách “Hành động hướng Đông” (Act East Policy) của Ấn Độ đã tăng cường đáng kể hoạt động giao lưu văn hóa, tôn giáo và học thuật với Việt Nam. Các Chương trình học bổng ITEC do Chính phủ Ấn Độ tài trợ, nghiên cứu do Hội đồng Quan hệ Văn hóa Ấn Độ (ICCR) hỗ trợ, cùng với hoạt động hợp tác Phật giáo đã tạo điều kiện để các viện nghiên cứu, hiệp hội văn hóa và

tổ chức nhân dân của Việt Nam mở rộng liên kết và tăng cường hợp tác với các đối tác Ấn Độ.

Australia và New Zealand triển khai nhiều chính sách thúc đẩy giáo dục và chia sẻ tri thức, tiêu biểu như: Học bổng Chính phủ Australia (Australia Awards) hay Chương trình học bổng The New Colombo Plan (NCP). Các chương trình này giúp tăng cường giao lưu sinh viên, thanh niên và hợp tác giữa các tổ chức nghiên cứu của hai bên. Đồng thời, chính sách đa văn hóa theo hướng cởi mở của hai nước cho phép cộng đồng người Việt hoạt động thuận lợi hơn, tạo điều kiện phát triển các hội đoàn, từ đó củng cố vai trò cầu nối nhân dân trong quan hệ song phương.

Tại khu vực Trung Đông, các nước như Các tiểu Vương quốc Ảrập thống nhất (UAE), Qatar hay Ảrập Xêút ban hành chính sách thu hút lao động nước ngoài. Điều này làm gia tăng số lượng lao động Việt Nam tại khu vực, thúc đẩy sự hình thành và phát triển của các hội người Việt Nam ở nước sở tại và mở rộng các hoạt động hỗ trợ pháp lý, bảo vệ quyền lợi và xây dựng cộng đồng, góp phần tăng cường hoạt động đối ngoại nhân dân theo hướng gắn với người Việt ở xa Tổ quốc.

Các chính sách của các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc (UN), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO), Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Tổ chức quốc tế về bảo tồn thiên nhiên (WWF), JICA, KOICA... thường tập trung vào các chủ đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, y tế, năng lượng sạch và phát triển bền vững. Những ưu tiên này tạo cơ hội để các tổ chức nhân dân của Việt Nam tham gia vào các dự án quy mô lớn, qua đó nâng cao năng lực tổ chức và mở rộng phạm vi ảnh hưởng trên trường quốc tế.

Chính sách về thị thực, đi lại, xuất nhập cảnh có tác động trực tiếp đến quy mô và nhịp độ giao lưu nhân dân. Việc nới lỏng thị thực, hỗ trợ giao lưu nhân dân góp phần gia tăng hoạt động đoàn

ra - đoàn vào, thúc đẩy hợp tác giáo dục, lao động và giao lưu thanh niên. Ngược lại, các biện pháp hạn chế nhập cảnh vì lý do an ninh, dịch bệnh có thể làm đình trệ hoạt động giao lưu nhân dân và thu hẹp không gian hợp tác. Thực tế cho thấy, việc Canada, Australia siết chặt xét duyệt thị thực đối với sinh viên và lao động Việt Nam giai đoạn 2024-2025 đã ảnh hưởng nhất định đến hợp tác giáo dục và giao lưu thanh niên. Trong khi đó, việc Nhật Bản nói lỏng chính sách thị thực cho các điều dưỡng viên và lao động “kỹ năng đặc định” đã thúc đẩy các kênh giao lưu lao động và hợp tác nghề nghiệp giữa hai nước.

Chính sách văn hóa và giáo dục của các quốc gia có ảnh hưởng trực tiếp đến ngoại giao văn hóa nhân dân. Việc đẩy mạnh quảng bá văn hóa, mở rộng trung tâm văn hóa, và triển khai các chương trình học bổng trao đổi giúp gia tăng các hoạt động giao lưu, hợp tác giữa các tổ chức nhân dân. Chẳng hạn, Hàn Quốc triển khai chiến lược quảng bá Làn sóng Hàn Quốc (Korean Wave) trên phạm vi toàn cầu, mở rộng các trung tâm văn hóa Hàn Quốc tại Việt Nam, tạo thêm cơ hội hợp tác cho các tổ chức nhân dân trong lĩnh vực văn hóa và giáo dục. Pháp mở rộng hoạt động của Viện Pháp tại Hà Nội và Huế, tạo nền tảng cho giao lưu văn hóa, nghệ thuật giữa Việt Nam và Pháp.

Chính sách thương mại, đầu tư của các nước đối tác có tác động trực tiếp đến giao lưu kinh tế nhân dân. Khi các quốc gia thúc đẩy hợp tác kinh tế với Việt Nam, nhu cầu kết nối giữa doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp ngày càng tăng. Ngược lại, các biện pháp bảo hộ thương mại hoặc áp dụng thuế quan cao có thể hạn chế hoạt động giao lưu kinh tế nhân dân. Thực tế cho thấy, chính sách của Nhật Bản và EU khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào Việt Nam theo chuẩn ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị doanh nghiệp) đã tạo ra nhu cầu hợp tác giữa các hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam với các tổ chức và đối tác phía

bạn. Trong khi đó, việc Đài Loan siết chặt tiếp nhận lao động trong một số ngành nghề đã ảnh hưởng nhất định đến các chương trình hỗ trợ cộng đồng người Việt tại nước này.

Chính sách an ninh, pháp lý, quản lý NGO của nước đối tác có thể ảnh hưởng đến hoạt động giao lưu, tham dự hội nghị, hoặc tài trợ dự án của các tổ chức nhân dân của Việt Nam. Chẳng hạn, Luật Quản lý tổ chức phi chính phủ nước ngoài (năm 2017) của Trung Quốc đặt các hoạt động hợp tác phi chính phủ dưới sự quản lý chặt chẽ, làm giảm tính linh hoạt trong triển khai chương trình. Tại Mỹ, các quy định theo Đạo luật Đăng ký đại diện nước ngoài (FARA) và phòng, chống rửa tiền khiến các tổ chức Việt Nam khi tiếp nhận tài trợ phải thực hiện quy trình pháp lý và tài chính phức tạp hơn.

Chính sách ưu tiên khu vực và chiến lược địa chính trị của các nước đối tác có ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô và cường độ giao lưu nhân dân với Việt Nam. Khi một quốc gia xác định Đông Nam Á hoặc Việt Nam là trọng tâm chiến lược, các chương trình giao lưu, hỗ trợ phát triển và kết nối nhân dân thường được mở rộng. Ngược lại, khi ưu tiên thay đổi, hỗ trợ và giao lưu có thể bị cắt giảm. Chẳng hạn, Chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ đã thúc đẩy đáng kể hợp tác văn hóa, học thuật và giao lưu nhân dân với Việt Nam. Trong khi đó, việc Mỹ điều chỉnh ưu tiên ngân sách đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương khi có biến động chính trị, hay chính sách thuế quan của Tổng thống D.Trump đã làm ảnh hưởng đến kinh phí dành cho các chương trình giáo dục, giao lưu thanh niên, hợp tác kinh tế - thương mại, qua đó ảnh hưởng đến giao lưu nhân dân giữa hai nước.

Tác động của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ

Các tổ chức quốc tế (UN, UNESCO, ASEAN...), các định chế tài chính (Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân

hàng Phát triển châu Á (ADB)) cùng các NGO quốc tế (Oxfam, WWF, PLAN, ChildFund...) đang hoạt động tại Việt Nam giữ vai trò là kênh trung gian thúc đẩy hợp tác, giao lưu và vận động hỗ trợ quốc tế. Các chủ thể này góp phần truyền tải các chuẩn mực, chính sách và xu hướng toàn cầu vào hoạt động đối ngoại nhân dân. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, tác động của các tổ chức quốc tế, NGO đến hoạt động đối ngoại nhân dân của Việt Nam ngày càng rõ nét trên nhiều phương diện.

Một là, tạo kênh hợp tác đa phương và mở rộng không gian đối ngoại nhân dân. Các tổ chức quốc tế cung cấp những diễn đàn quan trọng để Việt Nam giao lưu, đối thoại và tham gia vào các sáng kiến toàn cầu. Thông qua các cơ chế như Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Cơ quan Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN Women), các tổ chức nhân dân của Việt Nam được tham gia vào các dự án về giảm nghèo, bình đẳng giới, bảo vệ trẻ em và ứng phó với biến đổi khí hậu. UNESCO thúc đẩy hợp tác về bảo tồn di sản, giáo dục, khoa học; giúp các hội văn hóa - nghệ thuật Việt Nam giao lưu quốc tế, quảng bá bản sắc dân tộc. ASEAN Foundation hỗ trợ giao lưu thanh niên, trao đổi nhân dân trong ASCC.

Hai là, hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và nâng cao năng lực cho các tổ chức nhân dân. Nhiều NGO quốc tế cung cấp nguồn lực quan trọng để các tổ chức nhân dân của Việt Nam triển khai các dự án xã hội, như: Oxfam hỗ trợ các chương trình về giảm nghèo, nông nghiệp bền vững, bình đẳng giới và ứng phó thiên tai; tổ chức đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý dự án cho cán bộ Việt Nam. World Vision tài trợ các dự án phát triển cộng đồng tại khu vực miền núi, giúp các hội đoàn địa phương mở rộng hợp tác quốc tế. CARE International hỗ trợ các tổ chức phụ nữ Việt Nam xây dựng mô hình sinh kế và triển khai

hoạt động phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới. Plan International tài trợ các dự án bảo vệ trẻ em, trao quyền cho trẻ em gái, tạo điều kiện thúc đẩy giao lưu thanh thiếu niên với khu vực và thế giới.

Ba là, góp phần thúc đẩy các chuẩn mực quốc tế, mô hình quản trị hiện đại. Nhiều tổ chức quốc tế khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn về minh bạch, quản trị rủi ro và đánh giá hiệu quả dự án, qua đó tạo sức ép tích cực để các tổ chức nhân dân của Việt Nam nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động. Chẳng hạn, các chương trình của EU và UNDP thường yêu cầu quy trình theo dõi - đánh giá (M&E) chặt chẽ đối với các dự án phát triển, góp phần giúp các tổ chức Việt Nam chuẩn hóa năng lực quản lý và hành chính. Tương tự, WHO triển khai các dự án y tế cộng đồng tại Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế, đòi hỏi các đoàn thể và tổ chức nhân dân tham gia phải nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực giám sát.

Bốn là, thúc đẩy giao lưu trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ. Các tổ chức quốc tế và NGO thường triển khai nhiều chương trình giao lưu, học bổng và nghiên cứu chung. Ví dụ như, The Asia Foundation tài trợ các chương trình nâng cao năng lực đọc và giáo dục cộng đồng, góp phần tăng cường giao lưu học thuật giữa Việt Nam và Mỹ. WWF phối hợp với các tổ chức thanh niên Việt Nam trong hoạt động bảo vệ động vật hoang dã, ứng phó với biến đổi khí hậu và truyền thông về bảo vệ môi trường. UNESCO hỗ trợ Việt Nam xây dựng hồ sơ di sản và tổ chức các sự kiện văn hóa quốc tế, góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa nhân dân.

Năm là, thúc đẩy các mục tiêu phát triển bền vững và mở rộng ảnh hưởng quốc tế của Việt Nam. Các tổ chức quốc tế tạo điều kiện để Việt Nam tham gia sâu vào quá trình xây dựng chính sách toàn cầu, qua đó nâng cao vị thế quốc tế của đối ngoại nhân dân. Chẳng hạn, UNDP và Chương trình Môi trường Liên hợp quốc

(UNEP) thúc đẩy sự tham gia của Việt Nam vào chương trình thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), ủng hộ với biến đổi khí hậu, và phát triển kinh tế xanh. Bên cạnh đó, Trung tâm Phát triển sáng tạo xanh (GreenID) và các NGO môi trường quốc tế hợp tác triển khai các chương trình chuyển dịch năng lượng công bằng, giúp Việt Nam tiếp cận với các khung chính sách mới.

Sáu là, *kết nối cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài*. Nhiều NGO hỗ trợ thúc đẩy hợp tác nhân dân giữa Việt Nam và cộng đồng kiều bào. Ví dụ như, Hội người Việt Nam tại Đức, với sự hỗ trợ của một số tổ chức xã hội của Đức, thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, kinh tế, giúp tăng cường kết nối nhân dân hai nước. Các NGO hỗ trợ người di cư tại Hàn Quốc và Nhật Bản cũng tham gia bảo vệ quyền lợi của lao động Việt Nam và tạo cầu nối với các hội đoàn trong nước.

Tóm lại, nhân tố chính trị giữ vai trò nền tảng, định hướng và chi phối toàn diện hoạt động đối ngoại nhân dân. Trong bối cảnh cục diện thế

giới biến động nhanh, phức tạp và khó lường, các chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước giúp xác lập mục tiêu, phương châm hành động, từ đó bảo đảm tính thống nhất giữa đối ngoại nhân dân với đối ngoại đảng và ngoại giao nhà nước. Bên cạnh đó, các nhân tố chính trị trên thế giới như: Môi trường chính trị - an ninh quốc tế và khu vực; chính sách của các nước đối tác; tác động của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ (NGO)... vừa mở ra cơ hội mở rộng hợp tác, tăng cường giao lưu và tham gia các mạng lưới nhân dân quốc tế, vừa đặt ra không ít thách thức liên quan đến cạnh tranh ảnh hưởng, an ninh tư tưởng và yêu cầu xử lý linh hoạt các vấn đề nhạy cảm. Nhìn chung, các nhân tố chính trị trên thế giới vừa tạo điều kiện thuận lợi, vừa đặt ra những sức ép mới đòi hỏi hoạt động đối ngoại nhân dân phải chủ động thích ứng, giữ vững lập trường, tận dụng thời cơ và nâng cao hiệu quả, góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, củng cố hòa bình, hữu nghị và tăng cường vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2019), *Chỉ thị số 38-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát huy vai trò và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam trong tình hình mới*, ban hành ngày 19/9/2019.
2. Bộ Chính trị (2011), *Chỉ thị số 04-CT/TW về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới*, ban hành ngày 6/7/2011.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Phùng Hữu Phú, Nguyễn Văn Đăng & Nguyễn Viết Thông (2016), *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
6. Trịnh Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Hoài Hân & Nguyễn Huyền Phương (2025), *Quản lý hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ngoài, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam*, <https://lyluanchinhtri.vn/quan-ly-hoat-dong-cua-to-chuc-phi-chinh-phu-nuoc-ngoai-kinh-nghiem-quoc-te-va-thuc-tien-viet-nam-8173.html>
7. Vương Ngọc Quý (2012), *Đảng Cộng sản Trung Quốc: Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về ngoại giao nhân dân*, Nxb. Đại học Công nghệ Hợp Phì, An Huy.
8. Vệ Linh Huy (2025), *Tư tưởng ngoại giao của Tập Cận Bình dẫn dắt thúc đẩy nghiên cứu lý luận và thực tiễn ngoại giao dân gian phát triển trong thời đại mới*, Nhân dân nhật báo, ngày 9/7/2025.